

TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Số: 5811 /CTCTH-TTHT

V/v hướng dẫn kê khai, nộp thuế cho các mặt hàng ngoài thuốc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cần Thơ, ngày 12 tháng 12 năm 2024

Kính gửi:

Bệnh viện Phụ sản thành phố Cần Thơ

Số 106 đường Cách Mạng Tháng 8, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

Cục Thuế nhận được Công văn số 4825/BVPS-TCKT ngày 06/12/2024 của Bệnh viện Phụ sản thành phố Cần Thơ (gọi tắt là Bệnh viện) về việc hướng dẫn kê khai, nộp thuế cho các mặt hàng ngoài thuốc. Cục Thuế có ý kiến như sau:

1. Về thuế GTGT:

Căn cứ Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng (Thông tư số 219/2013/TT-BTC) quy định:

- Tại Điều 4 quy định:

“Điều 4. Đối tượng không chịu thuế GTGT

...

9. Dịch vụ y tế, dịch vụ thú y, bao gồm dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh, phòng bệnh cho người và vật nuôi, dịch vụ sinh đẻ có kế hoạch, dịch vụ điều dưỡng sức khỏe, phục hồi chức năng cho người bệnh, vận chuyển người bệnh, dịch vụ cho thuê phòng bệnh, giường bệnh của các cơ sở y tế; xét nghiệm, chiếu, chụp, máu và chế phẩm máu dùng cho người bệnh.

Trường hợp trong gói dịch vụ chữa bệnh (theo quy định của Bộ Y tế) bao gồm cả sử dụng thuốc chữa bệnh thì khoản thu từ tiền thuốc chữa bệnh nằm trong gói dịch vụ chữa bệnh cũng thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.”

- Tại Điều 11 quy định về mức thuế suất 10%:

“Điều 11. Thuế suất 10%

Thuế suất 10% áp dụng đối với hàng hóa, dịch vụ không được quy định tại Điều 4, Điều 9 và Điều 10 Thông tư này.

...”

2. Về thuế TNDN:

- Tại Điều 2, Điều 3 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 quy định:

“Điều 2. Người nộp thuế

1. Người nộp thuế thu nhập doanh nghiệp là tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có thu nhập chịu thuế theo quy định của Luật này (sau đây gọi là doanh nghiệp), bao gồm:..

d) Đơn vị sự nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam;

đ) Tổ chức khác có hoạt động sản xuất, kinh doanh có thu nhập.

...

Điều 3. Thu nhập chịu thuế

1. Thu nhập chịu thuế bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ và thu nhập khác quy định tại khoản 2 Điều này. ”

- Tại Điều 11 Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp quy định:

+ Tại Điều 10 quy định:

“Điều 10. Thuế suất

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại Khoản 6 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp:

1. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 22%, trừ trường hợp doanh nghiệp thuộc đối tượng áp dụng thuế suất 20% và thuế suất từ 32% đến 50% quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều này và đối tượng

được ưu đãi về thuế suất quy định tại Điều 15 và Điều 16 Nghị định này.

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016, những trường hợp thuộc diện áp dụng thuế suất 22% quy định tại Khoản này áp dụng thuế suất 20%.”

- Tại Điều 11 quy định:

“Điều 11. Phương pháp tính thuế

1. Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ tính thuế bằng thu nhập tính thuế nhân (x) với thuế suất;...

5. Đơn vị sự nghiệp, tổ chức khác không phải là doanh nghiệp thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam có hoạt động kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp mà các đơn vị này hạch toán được doanh thu nhưng không xác định được chi phí, thu nhập của hoạt động kinh doanh thì kê khai nộp thuế thu nhập doanh nghiệp tính theo tỷ lệ % trên doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ, cụ thể như sau:

a) Đối với dịch vụ (bao gồm cả lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay): 5%. Riêng hoạt động giáo dục, y tế, biểu diễn nghệ thuật áp dụng mức thuế quy định tại Điểm c Khoản này;

b) Đối với kinh doanh hàng hóa là 1%;

c) Đối với hoạt động khác là 2%.

3. Về chính sách tiền thuê đất

- Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024:

+ Tại khoản 3 Điều 30 quy định:

“Điều 30. Quyền lựa chọn hình thức trả tiền thuê đất

3. Đơn vị sự nghiệp công lập được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất mà có nhu cầu sử dụng một phần hoặc toàn bộ diện tích được giao để sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ thì được lựa chọn chuyển sang hình thức Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hằng năm đối với phần diện tích đó.”

+ Tại điểm c khoản 3 Điều 120 quy định:

“Điều 120. Cho thuê đất

3. Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hằng năm trong các trường hợp sau đây:

c) Đơn vị sự nghiệp công lập lựa chọn hình thức thuê đất theo quy định tại khoản 3 Điều 30 của Luật này.”

+ Tại điểm d khoản 1 Điều 157, quy định:

“Điều 157. Miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất

1. Việc miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất được thực hiện trong các trường hợp sau đây:

d) Sử dụng đất của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 120 của Luật này;”

- Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất.

+ Tại khoản 3 Điều 30 quy định:

“Điều 30. Tính tiền thuê đất

3....

Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập không lựa chọn hình thức Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hằng năm mà sử dụng nhà, công trình gắn liền với đất để kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công thì thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, không phải nộp tiền thuê đất theo quy định tại Nghị định này.”

+ Tại điểm b khoản 1 Điều 40 quy định:

“Điều 40. Giảm tiền thuê đất

Việc giảm tiền thuê đất đối với trường hợp Nhà nước cho thuê đất theo quy định tại khoản 1 Điều 157 Luật Đất đai được thực hiện như sau:

1. Đối với trường hợp thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm:

b) Giảm 50% tiền thuê đất hàng năm trong toàn bộ gian thuê đất của đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 120 Luật Đất đai.”

- Tại khoản 1, 8 Điều 99 Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Đất đai, quy định:

“Điều 99. Sử dụng đất kết hợp đa mục đích

1. Sử dụng đất kết hợp đa mục đích là việc sử dụng một phần diện tích đất của mục đích sử dụng đất chính vào mục đích khác quy định tại Điều 218 Luật Đất đai. Mục đích sử dụng đất chính là mục đích của thửa đất được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất, đang sử dụng đất ổn định đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận...

8. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng nhà, công trình gắn liền với đất được Nhà nước giao, được đầu tư xây dựng, mua sắm để thực hiện nhiệm vụ Nhà nước giao nhưng chưa sử dụng hết công suất để kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết theo quy định của pháp luật về tài sản công thì không phải chuyển sang thuê đất mà thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng tài sản công.”

Đồng thời, tại khoản 1 Điều 55, khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57, khoản 1 Điều 58 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21/6/2017 quy định đơn vị sự nghiệp công lập được sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết trong trường hợp tài sản được giao, được đầu tư xây dựng, mua sắm để thực hiện nhiệm vụ Nhà nước giao nhưng chưa sử dụng hết công suất.

- Căn cứ khoản 38 Điều 1 Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15/9/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Điều Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều Luật Quản lý, sử dụng tài sản công quy định:

“38. Sửa đổi Điều 42 như sau:

Điều 42. Quản lý, sử dụng tài sản gắn liền với đất và giá trị quyền sử dụng đất tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết

1. Việc sử dụng tài sản gắn liền với đất, giá trị quyền sử dụng đất tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết phải thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 56, khoản 1 Điều 57, khoản 1 Điều 58 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. Trong đó, việc sử dụng quyền sử dụng đất vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết chỉ được thực hiện đối với trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập được Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai mà tiền thuê đất đã nộp, tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã trả bằng tiền không có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước được Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác nhận thì được phép sử dụng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và Nghị định này. Trường hợp sử dụng giá trị quyền sử dụng đất để góp vốn thì còn phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

Tiền thuê đất đã nộp, tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất đã trả được xác định là có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước trong các trường hợp sau:

a) Nhà nước cấp tiền từ ngân sách nhà nước để nộp tiền thuê đất, trả tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

b) Đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp để nộp tiền thuê đất, trả tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

c) Đơn vị sự nghiệp công lập được Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất một lần và được miễn tiền thuê đất cho cả thời gian thuê.

d) Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng nguồn khác để nộp tiền thuê đất, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng sau đó sử dụng các nguồn quy định tại điểm a, điểm b khoản này để hoàn trả.”

Căn cứ các quy định nêu trên và căn cứ và nội dung trình bày của Bệnh viện tại Công văn số 4825/BVPS-TCKT ngày 07/11/2024, Cục Thuế có ý kiến như sau:

- Về thuế GTGT: Ngoài các đối tượng không chịu thuế nêu trên và các đối tượng không chịu thuế

khác theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 219/2013/NĐ-CP thì các khoản doanh thu cung cấp hàng hóa dịch vụ được nêu tại Công văn số 4825/BVPS-TCKT thuộc đối tượng chịu thuế suất thuế GTGT 10% theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 219/2013/TT-BTC.

- **Về thuế TNDN:** Căn cứ quy định pháp luật về thuế TNDN, về nguyên tắc, đơn vị sự nghiệp có hoạt động kinh doanh hàng hóa, dịch vụ có thu nhập chịu thuế TNDN xác định được doanh thu, chi phí, thu nhập thì số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ tính thuế bằng thu nhập tính thuế nhân (x) với thuế suất; trường hợp các đơn vị này hạch toán được doanh thu nhưng không xác định được chi phí, thu nhập của hoạt động kinh doanh thì kê khai nộp thuế thu nhập doanh nghiệp tính theo tỷ lệ % trên doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ.

- **Về chính sách tiền thuê đất:** Nghĩa vụ tài chính về đất đai đối với đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết được quy định như sau:

+ Trường hợp tài sản được giao, được đầu tư xây dựng, mua sắm để thực hiện nhiệm vụ Nhà nước giao nhưng chưa sử dụng hết công suất theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công thì thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và không phải nộp tiền thuê đất theo quy định tại Nghị định số 103/2024/NĐ-CP.

+ Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất mà có nhu cầu sử dụng một phần hoặc toàn bộ diện tích được giao để sản xuất, kinh doanh, cung cấp dịch vụ lựa chọn chuyển sang hình thức Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hằng năm thì nộp tiền thuê đất hằng năm theo quy định tại khoản 3 Điều 30 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP và được giảm 50% tiền thuê đất theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 40 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP.

Liên quan đến lĩnh vực y tế, Bộ Tài chính có Công văn trả lời Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ số 1422/BTC-TCT ngày 13/02/2020 về chính sách thuế TNDN đối với cơ sở y tế công lập và Công văn số 5786/BTC-TCT ngày 02/6/2021 về chính sách thuế đối với đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực y tế; Tổng cục Thuế có Công văn số 3002/TCT-CS ngày 28/7/2020 gửi Cục Thuế tỉnh Bình Phước và gửi Cục Thuế các tỉnh về chính sách thuế.

Cục Thuế trả lời cho Bệnh viện Phụ sản thành phố Cần Thơ được biết để thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng NVDTPC “đề rà soát”;
- Phòng KK&KTT, TTKT1,2;
- Trang Web Cục Thuế;
- Lưu VT, TTHT(CL).

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

Huỳnh Tấn Phát